



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Địa chỉ: Phòng 207, Tòa nhà PetroVietnam Tower, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP. HCM

Mã số thuế: 0305482862

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 02 NĂM 2014

Tháng 07 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2014	Tại ngày 01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		2,637,612,098,597	3,348,657,739,709
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	228,763,317,091	987,500,169,041
1. Tiền	111		49.603.317.091	57.940.169.041
2. Các khoản tương đương tiền	112		179.160.000.000	929.560.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		769,426,392,808	692,318,297,353
1. Phải thu khách hàng	131		715.788.230.376	625.854.925.922
2. Trả trước cho người bán	132		1.540.387.543	1.052.179.801
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	36.190.533.904
4. Các khoản phải thu khác	135		69.549.732.661	54.352.768.097
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(17.451.957.772)	(25.132.110.371)
III. Hàng tồn kho	140	6	1,402,057,112,050	1,424,191,056,983
1. Hàng tồn kho	141		1.423.866.689.795	1.446.000.634.728
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(21.809.577.745)	(21.809.577.745)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		237,365,276,648	244,648,216,332
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		531.822.477	1.219.884.240
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		234.678.530.420	242.175.986.571
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		1.664.038.631	827.210.521
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		490.885.120	425.135.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		5,695,896,189	7,648,944,170
I. Tài sản cố định	220		1,749,507,060	1,247,655,674
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	1.699.732.817	1.176.351.247
- Nguyên giá	222		5.598.821.980	4.827.945.616
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.899.089.163)	(3.651.594.369)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	49.774.243	71.304.427
- Nguyên giá	228		891.153.105	891.153.105
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(841.378.862)	(819.848.678)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1,350,000,000	1,350,000,000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		1.350.000.000	1.350.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		2,596,389,129	5,051,288,496
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.013.221.539	2.728.078.531
2. Tài sản dài hạn khác	268		1.583.167.590	2.323.209.965
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2,643,307,994,786	3,356,306,683,879



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2014	Tại ngày 01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		2,399,516,525,376	3,160,551,319,710
I. Nợ ngắn hạn	310		2,398,729,507,107	3,160,119,301,441
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	9	1,800,276,447,809	2,478,283,717,460
2. Phải trả người bán	312		449,855,792,946	557,958,084,897
3. Người mua trả tiền trước	313		2,649,128,307	4,318,312,043
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	7,897,491,243	11,522,334,616
5. Phải trả người lao động	315		6,580,969,838	9,700,000,000
6. Chi phí phải trả	316	11	1,684,559,286	3,788,165,750
7. Phải trả nội bộ	317		72,759,157,831	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	12	51,433,001,472	88,355,247,397
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5,592,958,375	6,193,439,278
II. Nợ dài hạn	330		787,018,269	432,018,269
1. Phải trả dài hạn khác	333		787,018,269	432,018,269
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		243,791,469,410	195,755,364,169
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	243,791,469,410	195,755,364,169
1. Vốn điều lệ	411		142,227,000,000	142,227,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		33,340,500,000	33,340,500,000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(795,000,000)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		4,977,707,165	4,977,707,165
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		64,041,262,245	15,210,157,004
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2,643,307,994,786	3,356,306,683,879

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tại ngày 30/06/2014	Tại ngày 01/01/2014
1. Nợ khó đòi đã xử lý	Đồng	8,993,870,831	-
2. Ngoại tệ các loại	USD	370,957	189,117
	EUR	105	105

Phan Hải Âu
Người lập biểu
Ngày 21 tháng 07 năm 2014

Lê Thị Chiên
Kế toán trưởng



Vũ Tiến Dương
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II năm 2014	Quý II năm 2013	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1,789,947,360,493	1,434,725,697,517	3,173,170,786,806	2,745,558,013,371
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		18.603.527.194	38.549.342.252	26.450.774.108	72.905.298.402
- Chiết khấu thương mại	03		3.282.809.740	16.171.033.849	4.832.213.166	31.842.707.563
- Giảm giá hàng bán	04		2.515.871.187	11.437.659.181	2.545.607.551	22.211.731.046
- Hàng bán trả lại	05		12.804.846.267	10.940.649.222	19.072.953.391	18.850.859.793
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1,771,343,833,299	1,396,176,355,265	3,146,720,012,698	2,672,652,714,969
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		1.674.867.211.979	1.314.574.860.641	2.981.081.318.495	2.511.637.343.556
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		96,476,621,320	81,601,494,624	165,638,694,203	161,015,371,413
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	14	404.523.979	16.575.026.988	12.885.079.631	27.021.574.152
7. Chi phí tài chính	22	15	25.210.848.731	25.333.810.353	54.067.486.538	44.788.864.683
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		23.512.128.571	20.816.658.283	51.973.922.972	37.295.271.668
8. Chi phí bán hàng	24		21.423.342.583	25.893.872.518	37.275.695.047	41.715.242.300
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		15.397.115.703	22.422.402.581	24.373.153.848	38.775.234.781
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		34,849,838,282	24,526,436,160	62,807,438,401	62,757,603,801
11. Thu nhập khác	31	16	52.315.290	2.407.712.296	167.215.463	3.875.938.720
12. Chi phí khác	32	17	218.818.004	307.667.440	219.990.047	316.594.534
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(166,502,714)	2,100,044,856	(52,774,584)	3,559,344,186
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		34,683,335,568	26,626,481,016	62,754,663,817	66,316,947,987
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	6.928.226.514	7.353.316.798	13.946.058.576	15.892.888.193
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		27,755,109,054	19,273,164,218	48,808,605,241	50,424,059,794
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	1,951	1,355	3,431	3,824

Phan Hải Âu
Người lập biểu
Ngày 21 tháng 07 năm 2014

Lê Thị Chiên
Kế toán trưởng



Vũ Tiên Dương
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

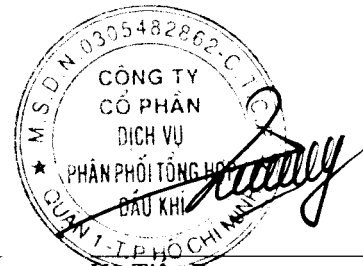
MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2014	Từ ngày 01/01/2013
		đến 30/06/2014	đến 30/06/2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	62,754,663,817	66,316,947,987
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	269,024,978	491,137,534
Các khoản dự phòng	03	1,313,718,232	(1,616,992,322)
(Lãi) Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	1,796,124,676
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(7,311,928,578)	(17,633,309,369)
Chi phí lãi vay	06	51,973,922,972	37,295,271,668
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu</i>	08	108,999,401,421	86,649,180,174
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(78,191,766,302)	589,042,058
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	22,133,944,933	(355,587,049,005)
Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(39,977,178,933)	9,929,497,363
(Tăng) chi phí trả trước	12	2,337,168,635	(437,904,316)
Tiền lãi vay đã trả	13	(53,904,693,794)	(37,968,798,126)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(10,990,092,080)	(36,471,555,246)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	745,042,375	1,266,597,489
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(605,480,903)	(388,850,000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	(49,453,654,648)	(332,419,839,609)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm và xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(770,876,364)	(335,757,909)
2. Thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	27	12,915,298,713	15,153,689,011
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	12,144,422,349	13,621,810,694
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	55,567,500,000
2. Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(795,000,000)	-
2. Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2,948,513,281,684	1,900,054,363,367
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3,626,520,551,335)	(1,467,731,917,921)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(42,625,350,000)	(4,981,275,052)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(721,427,619,651)	482,908,670,394
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50	(758,736,851,950)	164,110,641,479
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	987,500,169,041	527,206,222,588
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	108,758,119
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	228,763,317,091	691,425,622,186

Phan Hải Âu
Người lập biểu
Ngày 21 tháng 07 năm 2014

Lê Thị Chiên
Kế toán trưởng



Vũ Tiên Dương
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH MTV Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí - được thành lập trên cơ sở Xí nghiệp Viễn thông Dầu khí theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104003401 ngày 04 tháng 02 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 12 tháng 8 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Theo Nghị quyết số 28/NQ-DVTHDK ngày 13 tháng 9 năm 2011 của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí về phương án tái cấu trúc tổng thể Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí được chuyển đổi thành công ty cổ phần. Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 6 số 0305482862 ngày 07 tháng 11 năm 2011 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh sửa đổi tiếp theo do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là mua bán máy móc thiết bị ngành công nghiệp, trang thiết bị văn phòng, thiết bị viễn thông; kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô; bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, máy vi tính, thiết bị, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi, dụng cụ thể dục, thể thao, đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, hàng may mặc; đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa; bán lẻ hàng lưu niệm; dịch vụ giao nhận hàng hóa; dịch vụ logistic; quảng cáo; sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

Số năm

Phương tiện vận tải

6 - 10

Thiết bị văn phòng

3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	157.771.555	186.953.552
Tiền gửi ngân hàng	49.445.545.536	57.753.215.489
Các khoản tương đương tiền	179.160.000.000	929.560.000.000
	<u>228,763,317,091</u>	<u>987,500,169,041</u>

6. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	35.837.856.060	22.713.023.275
Hàng hóa	1.387.256.008.495	1.420.979.127.126
Hàng gửi đi bán	772.825.240	2.308.484.327
	<u>1,423,866,689,795</u>	<u>1,446,000,634,728</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(21.809.577.745)	(21.809.577.745)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của HHTK	<u>1,402,057,112,050</u>	<u>1,424,191,056,983</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014	2,537,794,613	2,290,151,003	4,827,945,616
Mua trong kỳ	770.876.364	-	770.876.364
Thanh lý trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 30/06/2014	3,308,670,977	2,290,151,003	5,598,821,980
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	1,589,467,851	2,062,126,518	3,651,594,369
Khấu hao trong kỳ	158.900.141	88.594.653	247.494.794
Thanh lý trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 30/06/2014	1,748,367,992	2,150,721,171	3,899,089,163
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/06/2014	1,560,302,985	139,429,832	1,699,732,817
Tại ngày 01/01/2014	948,326,762	228,024,485	1,176,351,247

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

NGUYÊN GIÁ	VND
Tại ngày 01/01/2014	891,153,105
Tăng trong năm	-
Tại ngày 30/06/2014	891,153,105
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2014	819,848,678
Khấu hao trong năm	21,530,184
Tại ngày 30/06/2014	841,378,862
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 30/06/2014	49,774,243
Tại ngày 01/01/2014	71,304,427

9. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Ngân hàng TM Cổ Phần Ngoại thương Việt Nam	286.360.289.529	567.313.340.553
Ngân hàng TM CP Xuất nhập khẩu - CN HCM	59.875.838.113	84.827.062.338
Ngân hàng TM Cổ phần Quân Đội (MB)	271.729.221.976	179.899.406.900
Ngân hàng Techcombank	96.604.173.600	177.462.046.185
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN7	161.752.514.000	342.028.756.851
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng - CN HCM	170.569.086.600	-
Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam	76.283.842.790	37.806.608.602.0
Ngân hàng HSBC Việt Nam (HSBC)	128.923.165.000	317.262.622.200
Ngân hàng ANZ Việt Nam (ANZ)	382.772.627.948	476.388.746.501
Ngân hàng TM CP Đại chúng Việt Nam - CN HCM	-	295.295.127.330
Ngân hàng TM CP Quốc Tế Việt Nam - CN HCM	80.193.175.700	-
Ngân hàng TM CP Đông Nam Á - CN Chợ Lớn	85.212.512.553	-
	1,800,276,447,809	2,478,283,717,460

Số dư các khoản vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 là : 3,579,720.45 USD và 1,723,992,605.019 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	(1.314.170.785)	(523.600.695)
Thuế xuất. nhập khẩu	(349.867.846)	(303.609.826)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.770.366.361	10.990.092.080
Thuế TN cá nhân	20.302.027	430.296.648
Thuế khác	106.822.855	101.945.888
	<u>6,233,452,612</u>	<u>10,695,124,095</u>
	-	-
<i>Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</i>	1.664.038.631	827.210.521
<i>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</i>	7.897.491.243	11.522.334.616

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Chi phí phải trả lãi vay	798.519.249	2.729.290.071
Chi phí phải trả khác	886.040.037	1.058.875.679
	<u>1,684,559,286</u>	<u>3,788,165,750</u>

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	10.901.075
Kinh phí công đoàn	87.167.157	130.670.104
Bảo hiểm xã hội	(14.612.939)	69.392.275
Cổ tức	476.632.123	43.124.482.123
Các khoản phải trả phải nộp khác	50.883.815.131	45.019.801.820
	<u>51,433,001,472</u>	<u>88,355,247,397</u>

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2013	120,000,000,000	-	-	4,977,707,165	22,107,962,623	147,085,669,788
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	80,794,416,164	80,794,416,164
Tăng vốn góp	22,227,000,000	33,340,500,000	-	-	-	55,567,500,000
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(1,615,888,324)	(1,615,888,324)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(86,076,333,459)	(86,076,333,459)
Số dư tại ngày 01/01/2014	142,227,000,000	33,340,500,000	-	4,977,707,165	15,210,157,004	195,755,364,169
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	48,808,605,241	48,808,605,241
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(795,000,000)	-	-	(795,000,000)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	22,500,000	22,500,000
Số dư tại ngày 30/06/2014	142,227,000,000	33,340,500,000	(795,000,000)	4,977,707,165	64,041,262,245	243,791,469,410

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.558.551.788	17.633.309.369
Lãi chênh lệch tỷ giá	790.305.480	3.816.604.465
Hoạt động tài chính khác	4.536.222.363	5.571.660.318
	12,885,079,631	27,021,574,152

15. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	51.973.922.972	37.295.271.668
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.079.680.566	3.973.046.870
Hoạt động tài chính khác	13.883.000	3.520.546.145
	54,067,486,538	44,788,864,683

16. THU NHẬP KHÁC

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
	VND	VND
Thuế được hoàn của các năm trước	48.823.680	3.211.430.354
Thu nhập khác	118.391.783	664.508.366
	167,215,463	3,875,938,720

17. CHI PHÍ KHÁC

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
	VND	VND
Chi phí khác	219.990.047	316.594.534
	219,990,047	316,594,534

18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
	VND	VND
Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	62,754,663,817	66,316,947,987
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	(2.908.851.959)
Cộng: CP không được khấu trừ	636.511.527	163.456.745.0
Thu nhập chịu thuế	63,391,175,344	63,571,552,773
Thu nhập chịu thuế	63.391.175.344	63.571.552.773
Chi phí thuế TNDN hiện hành	13,946,058,576	15,892,888,193

Trong kỳ Công ty chịu thuế suất 22% thuế thu nhập doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Từ ngày 01/01/2014</u> <u>đến ngày 30/06/2014</u>	<u>Từ ngày 01/01/2013</u> <u>đến ngày 30/06/2013</u>
Lợi nhuận sau thuế TNDN (VND)	48.808.605.241	50.424.059.794
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ	14.222.700	13.187.733
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	3.432	3.824

20. PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014 được Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành vào ngày 21 tháng 07 năm 2014.

Phan Hải Âu
Người lập biểu
Ngày 21 tháng 07 năm 2014

Lê Thị Chiền
Kế toán trưởng



Vũ Tiên Dương
Giám đốc